

An Lão, ngày 13 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế An Lão có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2026 của Trung tâm Y tế An Lão với nội dung cụ thể như sau:

I. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm: (Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)
2. Thời gian triển khai: Quý II - 2026
3. Các yêu cầu khác: Báo giá được thực hiện theo mẫu đính kèm, ký, đóng dấu người có thẩm quyền và đóng dấu giáp lai (trong trường hợp báo giá có nhiều trang) (Chi tiết theo mẫu báo giá đính kèm). **Trường hợp người có thẩm quyền uỷ quyền về việc ký báo giá thì Báo giá phải gửi kèm giấy uỷ quyền.**

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế An Lão
2. Thông tin liên hệ cần giải đáp các thắc mắc:
Bà: Nguyễn Thị Phương, Dược sỹ khoa Dược, Số điện thoại 036.872.4566

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: (gửi 1 trong 2 cách sau)

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Khoa Dược- VTTBYT Trung tâm Y tế An Lão; Số 99 đường Nguyễn Văn Trỗi, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Nhận qua email: khoaduocbvdkal@gmail.com

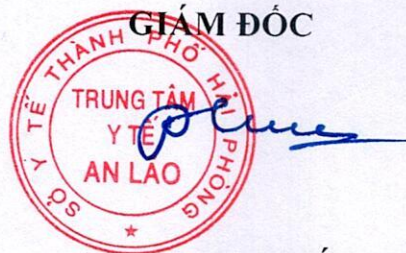
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 13 tháng 05 năm 2026 đến trước 15h ngày 23 tháng 05 năm 2026.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Website Trung tâm;
- Lưu: KD-VTTBYT.



Dương Đức Huân



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

STT	TÊN HÓA CHẤT	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Hóa chất xét nghiệm cho máy sinh hóa Greiner GA-400				
1	Hoá chất xét nghiệm calcium	<ul style="list-style-type: none">- Thành phần tối thiểu bao gồm: Chất tạo phức Arsenazo III hoặc tương đương 8-hydroxyquinoline sulphonate $\geq 1,4$ g/l S. Standard ≥ 10 mg/dl calcium solution- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 200ml- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	6	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ck-MB	<ul style="list-style-type: none">- Thành phần tối thiểu bao gồm: Buffer 100 mM pH 6,70, creatine phosphate 35 mM, glucose 20 mM, N-acetyl-L-cysteine 20 mM, magnesium acetate 10 mM, EDTA 2 mM, ADP 2 mM, NADP 2 mM, AMP 5 mM, Di (adenosine-5') pentaphosphate 10 μM, glucose-6-phosphate-dehydrogenase $\geq 1,5$ kU/l, hexokinase $\geq 2,5$ kU/l, kháng thể đơn dòng kháng CK-M- công suất ức chế > 2000 U/l- Tuyến tính lên tới 2000 U/l- Giới hạn phát hiện: tối thiểu có thể phát hiện được là 4 U/l- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 60 ml- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp	8	
3	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB mức 1	<ul style="list-style-type: none">- Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB mức 1- Thành phần nền huyết thanh có nguồn gốc phù hợp cho xét nghiệm invitro.- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 5 ml- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp	2	
4	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB mức 2	<ul style="list-style-type: none">- Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB mức 2- Thành phần nền huyết thanh có nguồn gốc phù hợp cho xét nghiệm invitro.- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 5 ml- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp	2	
5	Hóa chất Kiểm chuẩn cho hóa chất xét nghiệm CK MB	<ul style="list-style-type: none">- Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	2	

		<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần nền huyết thanh có nguồn gốc phù hợp cho xét nghiệm invitro. - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 3 ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 			
6	Hóa chất xét nghiệm Glucose	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần tối thiểu gồm: GOD (microbial): ≥ 10 kU/l POD (horse-radish): ≥ 1 kU/l 4-AP: 0,5 mmol Phosphate: 100 mmol; pH 7,0 Hydroxybenzoate: 12 mmol - Độ lặp lại (Intra-assay precision): ≤ 1,39% - Độ tái lặp (Inter-assay precision): ≤ 1,92% - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 160ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp	225	
7	Hoá chất xét nghiệm GOT	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần tối thiểu gồm: Thuốc thử A: TRIS 100 mmol/l; pH 7,8 L-Aspartate 200 mmol/l Thuốc thử B: NADH 0,18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate: 12 mmol/l - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 200ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp	31	
8	Hoá chất xét nghiệm GPT	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần tối thiểu gồm: A. Thuốc thử A: 	Hộp	32	

		<p>TRIS buffer 100mmol/l; pH 7,5</p> <p>L-Alanine 500 mmol/l</p> <p>B. Thuốc thử B:</p> <p>NADH 0,18 mmol/l</p> <p>LDH \geq 1,5 U/l</p> <p>2-Oxoglutarate 15 mmol/l</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp \geq 200ml</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>			
9	Hoá chất xét nghiệm HDL-C	<p>- Thành phần tối thiểu gồm:</p> <p>A. Thuốc thử A:</p> <p>Cholesterol oxidase < 3000 U/l</p> <p>Peroxidase < 5000 U/l</p> <p>Catalase < 3000 U/l</p> <p>N-ethyl-N-(2-hydroxy-3 sulfopropyl)-3-toluidine disodium (TOOS) < 1 mM</p> <p>B. Thuốc thử B:</p> <p>Detergent solution < 2%</p> <p>Cholesterol esterase < 3000 U/l</p> <p>4-aminoantipyrine (4-AAP) < 1 mM</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp \geq 72mL (2x27ml+ 2x9mL) + 1x1ml Calibrator</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	80	
10	Hoá chất xét nghiệm Urea	<p>- Thành phần tối thiểu gồm:</p> <p>A. Thuốc thử A:</p> <p>Good buffer: 250 mmol/l</p> <p>2-Oxoglutarate: 7,5 mmol/l</p> <p>Urease (Jack bean): \geq 5000 U/l</p> <p>GLDH (microbial): \geq 800 U/l</p>	Hộp	12	

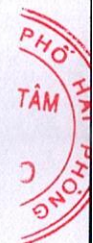


		<p>B. Thuốc thử B:</p> <p>NADH: 0,28 mmol/l</p> <p>- Độ tái lập (Inter-assay precision): $CV \leq 2,36\%$</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 500 ml</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>			
11	Hóa chất định lượng CRP trong huyết thanh	<p>Thành phần tối thiểu gồm:</p> <p>A. Thuốc thử A: saline buffer solution, pH 7.6.</p> <p>B. Thuốc thử B: monospecific anti-CRP antibodies.</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 60 mL (1 x 50 mL + 1 x 10 mL)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	2	
12	C-REACTIVE PROTEIN (Control N)	<p>Control Inmunológico nivel 1: huyết thanh người bất hoạt với các chất bảo quản thích hợp.</p> <p>Quy cách đóng gói : Hộp ≥ 1ml (1x1ml)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	4	
13	C-REACTIVE PROTEIN (Control H)	<p>Control Inmunológico nivel 1: huyết thanh người bất hoạt với các chất bảo quản thích hợp..</p> <p>Quy cách đóng gói : Hộp ≥ 1ml (1x1ml)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	4	
14	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP	<p>Thành phần: bao gồm tám bộ hiệu chuẩn chất lỏng với các mức CRP khác nhau của con người: Bộ hiệu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8.</p> <p>Quy cách đóng gói Hộp ≥ 16 mL (8 x 2 mL).</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	4	
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol trong máu	<p>Thành phần tối thiểu gồm :</p> <p>- Thuốc thử R1: R1: Buffer pH 8.3 300 mmol/L</p> <p>- NAD⁺: 10 mmol/L</p> <p>- Alcohol dehydrogenase (ADH)³: 200 kU/L</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 80 ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	3	
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	<p>Thành phần chính : Ethanol Đối chứng chứa khối lượng phản ứng của: hỗn hợp 5-chloro-2-metyl-4-isothiazolin-3-one và 2-metyl-2H isothiazol-3-one (3:1)</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 1 ml</p>	Hộp	3	

		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485			
17	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	<p>Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol</p> <p>Giá trị:</p> <p>- Control 1: Ammonia: 85.2 µg/dl, 50.0 µmol/l.</p> <p>Ethyl alcohol: 37.0 mg/dl, 8.03 mmol/l</p> <p>- Control 2: Ammonia: 199 µg/dl, 117 µmol/l.</p> <p>Ethyl alcohol: 95.0 mg/dl, 20.6 mmol/l</p> <p>- Control 3: Ammonia: 503 µg/dl, 295 µmol/l.</p> <p>Ethyl alcohol: 246 mg/dl, 53.4 mmol/l</p> <p>Hộp ≥ 2ml</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	3	
18	Hóa chất xét nghiệm BILIRUBIN DIRECT	<p>- Thành phần tối thiểu bao gồm:</p> <p>A. Thuốc thử A: Hydrochloric acid</p> <p>B. Thuốc thử B:</p> <p>Di-chlorophenyldiazonium salt</p> <p>Hydrochloric acid</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 240ml</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	2	
19	Hóa chất hiệu chuẩn (Calibrator) dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	<p>- Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh đông khô có chứa các chất chuyển hóa với nồng độ thích hợp để đảm bảo hiệu chuẩn chính xác</p> <p>- Thuốc thử A: Dung dịch natri carbonat pH 10</p> <p>- Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 3ml/</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	6	
20	Hóa chất xét nghiệm CK-NAC	<p>- Thành phần tối thiểu gồm:</p> <p>A. Thuốc thử A:</p> <p>Imidazole 100mmol/l; pH 6,7</p> <p>B. Thuốc thử B:</p>	Hộp	3	

		Creatine phosphate 30 mmol/l ADP 2 mmol/l Glucose 20 mmol/l NADP 2 mmol/l Hexokinase \geq 2500 U/l Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G-6-PDH) \geq 2000 U/l Magnesium acetate 10 mmol/l AMP 5 mmol/l Di (adenosine-5') pentaphosphate 10 umol/l N-Acetyl-cysteine 20 mmol/l - Quy cách đóng gói: Hộp \geq 120 ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485			
21	Nước rửa máy sinh hóa	- Thành phần tối thiểu bao gồm: Potassium hydroxide, Citrate buffer and surfactants - Quy cách đóng gói: Chai \geq 2L - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	10	
22	Hóa chất xét nghiệm Protein	- Thành phần tối thiểu bao gồm: EDTA/Cu complex Sodium hydroxide Alkyl aryl polyether (AAP) - Quy cách đóng gói: Hộp \geq 720 ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	1	
23	Chất kiểm chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa	+ Mức kiểm soát 1: l \geq 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của chất chuyển hóa và enzym. + Mức kiểm soát 2: l \geq 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym. - Quy cách đóng gói : Bộ \geq (1x5ml Nivel 1 + 1x5ml Nivel 2) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	18	
24	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid	- Thành phần tối thiểu bao gồm:	Bộ	3	

		<p>A. Thuốc thử A: 3,5-dichlorohydroxybenzene sulfonic acid, sodium salt (DHS) 2,0 mmol/l</p> <p>B. Thuốc thử B UOD: > 200 U/l POD: > 1000 U/l 4-AP: 0,10 mmol/l Potassium ferrocyanide: 6 umol/l - Quy cách đóng gói: Hộp ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>			
II Hóa chất dùng cho máy điện giải EasyLyte Plus					
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	<p>- Thành phần 1 hộp: Standard A Solution, 800mL: 140,0 mmol/L Na⁺; 4,0 mmol/L K⁺; 125,0 mmol/L Cl⁻; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35,0 mmol/L Na⁺; 16,0 mmol/L K⁺; 41,0 mmol/L Cl⁻; Buffer; Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL: 0,1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	7	
III Hóa chất dùng cho máy Nước tiểu Clintex Status					
1	Hóa chất kiểm tra độ âm tính	<p>Thành phần chính chứa: Kali photphat một bazơ và hai bazơ; natri clorua; urê Hộp ≥ 25 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	17	
2	Hóa chất kiểm tra độ dương tính	<p>Thành phần chứa: Glucose; bilirubin kết tinh; natri methylacetoacetate; hemoglobin bò; albumin huyết thanh bò; muối natri 5-(4-sulfobutoxy)-2-metylindole; natri nitrite; protease (nấm) Hộp ≥ 25 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Hộp	17	



IV		Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy Huyết học Mindray BC-700			
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần tối thiểu gồm: Sodium Chloride: 3,0 – 5,5 g/L Sodium Sulfate Anhydrous: 7,5 – 11,5 g/L Buffering Agents: 1,0 – 3,0 g/L Anti-fungal and Anti-bacterial Agents: 0,8 – 2,5g/L -: Thùng \geq 20 lít - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Thùng	36	
2	Hóa chất nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch nhuộm các tế bào bạch cầu *Thành phần chính gồm: Fluorochrome: \leq 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 % Quy cách đóng gói : Hộp \geq (4x12ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp	40	
3	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	<ul style="list-style-type: none"> Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đếm tế bào máu *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương Quy cách đóng gói : Hộp \geq (6x4,5ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp	5	
4	Dung dịch ly giải	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học *Thành phần tối thiểu gồm: - Surfactant: \leq 0.5% - Hepes Buffer: \leq 0.5% Quy cách đóng gói : Hộp \geq (4x1L) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp	4	
5	Diluent	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch làm Chất pha loãng được sử dụng làm thuốc thử pha loãng mẫu máu toàn phần Thành phần tối thiểu gồm: - Sodium Chloride 	Thùng	12	

		- Sodium Sulphate - Buffer Stabiliser Quy cách đóng gói: Thùng \geq 20L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485			
6	Lyse	Dung dịch Sử dụng làm thuốc thử ly giải máu để xét nghiệm số lượng bạch cầu, số lượng tế bào lympho, tế bào giữa, số lượng bạch cầu hạt Thành phần tối thiểu gồm: - Quaterner - Ammonium Salt Buffer Quy cách đóng gói \geq Lọ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		12	
IV	Hóa chất xét nghiệm dùng cho Miễn dịch Mindray CI-900i				
1	Chất hiệu chuẩn FT3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3). Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ Quy cách đóng gói : Hộp \geq (3*2ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	4	
2	Chất hiệu chuẩn FT4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T4). Thành phần: T4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ Quy cách đóng gói: Hộp \geq (3*2ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	4	
3	Chất hiệu chuẩn TSH	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH). Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: Quy cách đóng gói : Hộp \geq (3*2ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	5	